TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 11 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Em

Ông Âu Cần Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Kiều T, sinh năm: 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số 5H22, ấp 5, xã P, huyện B, thành phố H.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh L, sinh năm: 1983 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Kiều T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn năm 2009, sau đó anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, thành phố H vào ngày 14/10/2009, hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị T và anh L đã ly thân kéo dài từ

năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng M (Giới tính: Nữ), sinh ngày 30/12/2009, hiện nay đang sống chung với chị T nên chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Minh L có lời trình bày: Năm 2009 anh L và chị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh L và chị T đã ly thân kéo dài từ năm 2020 cho đến nay. Anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T

Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng M (Giới tính: Nữ), sinh ngày 30/12/2009. Do con chung có nguyện vọng sống chung với chị T nên anh L đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn", căn cứ các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Minh L vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Minh L và dành quyền kháng cáo cho bị đơn theo luật định.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Kiều T và anh Nguyễn Minh L tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, thành phố H vào ngày 14/10/2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[3.2] Xét nguyên nhân yêu cầu ly hôn của chị Trần Kiều T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng anh chị

hạnh phúc và có con chung nhưng đến năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị T và anh L đã ly thân kéo dài từ năm 2020 cho đến nay. Tại bản tự khai ngày 25/10/2023 anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Kiều T.

[3.3] Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng M (Giới tính: Nữ), sinh ngày 30/12/2009, hiện nay đang sống chung với chị T nên chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu của chị T phù hợp với nguyện vọng của cháu Mỹ được tiếp tục sống chung với mẹ. Tại bản tự khai anh L đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Hoàng Mỹ cho chị Trần Kiều T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Trần Kiều T không yêu cầu anh Nguyễn Minh L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh Nguyễn Minh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Kiều T và anh Nguyễn Minh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Kiều T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Kiều T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Kiều T được ly hôn với anh Nguyễn Minh L.

3. Về con chung: Chị Trần Kiều T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng M (Giới tính: Nữ), sinh ngày 30/12/2009. Chị Trần Kiều T không yêu cầu anh Nguyễn Minh L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh Nguyễn Minh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Kiều T và anh Nguyễn Minh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Kiều T phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo phiếu thu số 11/2023-Q2, lập ngày 05 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công tai tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- UBND xã Phạm Văn Hai, Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Nguyễn Đình Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Âu Cần Đông - Đặng Thị Em **Nguyễn Đình Tiến**